

Số: 342/2026/QĐST-LĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Sỹ Trứ.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Sao Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thúy An- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động thụ lý số: 408/2026/TLST-LĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 325/2026/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 9 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn Phi L, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp K 2, xã C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số 2A/68 khu phố B 1, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH L; địa chỉ: số 5 Đại lộ H, Khu Công nghiệp V, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn Phi L trình bày:

Do có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội nên tháng 7/2026 ông L liên hệ Bảo hiểm xã hội cơ sở L thì được cơ quan bảo hiểm cung cấp thông tin trong tháng 6 năm 2019 ông L có tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH L, mã số BHXH là 8925253004 với thời gian tham gia là 01 tháng, thực tế thời gian này ông L không làm việc tại Công ty TNHH L mà làm việc tại Công ty TNHH Y với mã số BHXH là 7416299744. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn Phi L và Công ty TNHH L là vô hiệu. Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Trong quá trình giải quyết việc dân sự Công ty TNHH L đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự theo quy định tại các Điều 178; Điều 366; Điều 367; Điều 369 và Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Công ty TNHH L đều vắng mặt không rõ lý do.

- Tại Văn bản số 2686/BHXXH-QLT ngày 20/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L trình bày: Qua đối chiếu dữ liệu và kiểm tra hồ sơ tham gia BHXH của ông Nguyễn Văn Phi L, sinh ngày 01/01/1997, CCCD 089097020395 có quá trình tham gia bảo hiểm với 02 mã số: **mã BHXH 7416299744** tại các Công ty TNHH SIGNAL (từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018), Công ty TNHH Y (từ tháng 5/2019 đến tháng 8/2019), Công ty TNHH H (từ tháng 3/2020 đến tháng 3/2020), Công ty TNHH T (từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2026) và **mã BHXH 8925253004** tại Công ty TNHH L (từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2019). Quá trình từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2019 Bảo hiểm xã hội cơ sở L đã bảo lưu, người lao động chưa hưởng một lần, chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn Phi L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Nguyễn Văn Phi L có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L, Công ty TNHH L vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2019, người lao động tên Nguyễn Văn Phi L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 8925253004. Tuy nhiên, ông L xác định người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2019 là một người khác (không xác định được).

[2.2] Xét thấy, trình bày của ông Nguyễn Văn Phi L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở L. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L trong khoảng thời gian từ 6/2019 đến tháng 6/2019, không phải là ông Nguyễn Văn Phi L.

Theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động, thì: “Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động, thì: “Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao

động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) thì: “...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”. Do đó, có cơ sở xác định việc người khác sử dụng thông tin cá nhân của ông Nguyễn Văn Phi L để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo số 8925253004 tại Công ty TNHH L là vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Văn Phi L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn Phi L với Công ty TNHH L theo số bảo hiểm xã hội số 8925253004 bị vô hiệu. Xác định người lao động tại Công ty TNHH L trong giai đoạn từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2019, số bảo hiểm xã hội số 8925253004 không phải là ông Nguyễn Văn Phi L. Ông Nguyễn Văn Phi L có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội số 8925253004.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn Phi L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tạm ứng lệ phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Nguyễn Văn Phi L.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn Phi L với Công ty TNHH L trong giai đoạn từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2019 (mã số bảo hiểm xã hội số 8925253004) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo số bảo hiểm xã hội số 8925253004 không phải ông Nguyễn Văn Phi L, sinh ngày 01/01/1997, CCCD 089097020395. Ông Nguyễn Văn Phi L được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8925253004.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Văn Phi L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0010030 ngày 17/8/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lê Sỹ Trứ